

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ - ST
Ngày 10 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm

Ông Dương Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Quốc N, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2020 anh Trịnh Quốc N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương L tự nguyện chung sống với nhau năm 2000 trên tin thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay cự cãi, không quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm mặt dù đã hàn gắn tuy nhiên không mang lại kết quả, hiện nay anh và chị L đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương L.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Phương L có 03 người con chung tên Trịnh Quốc B, sinh ngày 26/10/2002; Trịnh T, sinh ngày 06/01/2008; Trịnh Trọng N, sinh ngày 14/11/2017. Hiện nay ba người con đang sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Phương L Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tổ tụng của Tòa án cho chị L và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Trịnh Quốc N có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Trịnh Quốc N và bị đơn chị Nguyễn Thị Phương L Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Phương L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên chị L vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Phương L tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa anh Trịnh Quốc N và chị Nguyễn Thị Phương L được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặt dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay anh N và chị L đã sống ly thân với nhau. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị L thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử anh N và chị L vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị L. Hôn nhân của anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó, không công nhận anh Trịnh Quốc N và chị Nguyễn Thị Phương L là vợ là chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Trịnh Quốc N và chị Nguyễn Thị Phương L có 03 người con chung tên Trịnh Quốc B, sinh ngày 26/10/2002; Trịnh T, sinh ngày 06/01/2008; Trịnh Trọng N, sinh ngày 14/11/2017. Hiện nay ba người con đang sống cùng anh N. Sau khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đối với Trịnh Quốc B, Trịnh T hiện nay đã trên bảy tuổi và đều có nguyện vọng được sống cùng anh N. Đối với Trịnh Trọng N từ trước đến nay sống với anh N vẫn phát triển bình thường về mọi mặt do đó cần tiếp tục giao các con cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Trịnh Quốc N phải nộp 300.000 đồng. Anh N đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Phương L tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 14 khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không công nhận anh Trịnh Quốc N và chị Nguyễn Thị Phương L là vợ chồng. Giao 03 người con chung tên Trịnh Quốc B, sinh ngày 26/10/2002; Trịnh T, sinh ngày 06/01/2008; Trịnh Trọng N, sinh ngày 14/11/2017. Hiện nay ba người con đang sống cùng anh N cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Phương L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh N.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trịnh Quốc N phải nộp 300.000 đồng. Anh N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006095 ngày 09/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

